



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 28/2025

(08/07/2025 – 14/07/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI ghi nhận tăng 352 điểm (↑25,6%) lên 1.783 điểm. Tổng quan chỉ số thuê tàu các phân khúc tuần qua hầu như đều tăng hai chỉ số như sau: Capesize dần khởi sắc trở lại từ cuối tuần trước, tăng mạnh 616 điểm (↑35,1%) lên 2.367 điểm. Panamax cũng được kéo từ 1.569 điểm lên 1.949 điểm (tăng 380 điểm, tương đương ↑24%). Supramax tăng 119 điểm (↑10,57%) lên 1.244 điểm - là phân khúc duy nhất giữ phong độ tăng liên tục 24 phiên từ ngày 10/6 – 14/7 với tổng tích lũy là 322 điểm (tương đương ↑35%). Handysize tiếp tục nhích nhẹ thêm 10 điểm (↑1,56%), hiện ghi nhận 649 điểm. Thị trường mua bán tàu tuần qua khá bận rộn, tập trung chủ yếu ở phân khúc Panamax và Supramax. Ở phân khúc Supramax, chủ tàu Hy Lạp chốt tàu **Mindanao** (55.696 dwt, đóng 2010 Nhật, DD 03/2028, SS 01/2030) với giá khoảng 15,5 triệu đô la Mỹ - do cước tàu Supramax đang tốt nên giá tàu này cũng cao hơn mặt bằng chung thị trường. Tàu Supramax đóng Trung Quốc **APJ Jai** (56.594 dwt, đóng 2011, DD/SS 12/2025) vừa được chủ tàu Ấn Độ bán với giá khoảng 11,25 triệu đô la Mỹ. Mức này tương tự tàu **Pan Rapido** (56.915 dwt, đóng 2011 Trung Quốc, DD/SS 03/2026) được chủ tàu Hàn Quốc chốt tuần trước với giá khoảng 11,4 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc Handysize, chủ tàu Hy Lạp bán thành công tàu **Hope** (34.146 dwt, đóng 2010 Trung Quốc) với giá khoảng 7,9 triệu đô la Mỹ - khá mềm do sắp lên đà DD/SS 9/2025. Chủ tàu Hà Lan cũng vừa chốt tàu **African Swan** (32.776 dwt, đóng 2005 Nhật) với giá khoảng 6,65 triệu đô la Mỹ. Mức này khá rẻ vì sau khi mua tàu cần phải lên đà ngay DD/SS 08/2025, ngoài ra tình trạng tàu cũng không thực sự tốt nên giá này không phản ánh mức tham chiếu thị trường của dòng tàu 32k dwt xung quanh 20 tuổi đóng Nhật. (thông thường từ khoảng 7 triệu đô la Mỹ trở lên đối với tàu chưa qua đà).

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, hơn một tháng qua thị trường tiếp tục xu hướng đi ngang. Các chỉ số dao động tương đối nhẹ nhàng: chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) tăng trở lại 14 điểm (↓2,6%) lên 548 điểm còn chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tiếp tục giảm 8 điểm (↓0,8%) còn 927 điểm. Các hoạt động mua bán tàu tuần qua ghi nhận nhỏ giọt nhưng vẫn đầy tiềm năng. Nhìn chung thị trường đã ổn định hơn và các mốc tham chiếu mới cũng dần xuất hiện. Thị trường Aframax/LR2 vẫn duy trì ở mức cao song khả năng sắp tới sẽ có sự điều chỉnh. Ở mảng tàu MR, xuất hiện nhiều Người mua cho cỡ tàu modern MR2, cũng như tàu MR2 cũ. Có tin tàu chemical **Astir Lady** (50.286 dwt, đóng 2011 Hàn Quốc, DD/SS 04/2026) được chốt với giá khoảng 19,5 triệu đô la Mỹ song thông tin này chưa chính xác. Tàu hiện vẫn đang được đàm phán xung quanh mức 20-20,5 triệu đô la Mỹ và nếu thành công sẽ thiết lập mốc tham chiếu mới. Tháng trước tàu **PS Capri** (50.858 dwt, đóng 2011 Hàn Quốc, DD/SS 08/2026) về tay Người mua Hy Lạp với giá khoảng 18,1 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc tàu nhỏ 13k, ghi nhận tàu **Puerto Aysen** (12.834 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc) bán thành công với giá khoảng 10,2 triệu đô la Mỹ - giá mềm do cận hạn đà DD/SS 12/2025. Hiện nay, giá dòng tàu này trên thị trường đã giảm nhiều nên giá tàu **Puerto Aysen** sẽ thiết lập mốc tham chiếu mới cụ thể cho dòng tàu 13k đóng Hàn Quốc xung quanh 15 tuổi.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Resilience	2009	China	176,189	-	Chinese	Old sale, delivered, DD/SS due 08/2025
Ultra Puma	2016	Japan	81,855	25.25	Undisclosed	DD/SS 08/2026
Shandong Fu Ren	2018	China	81,783	23.85	Undisclosed	BBHP terms, DD 09/2026, SS 11/2028
Shandong Fu Ze	2017	China	81,781	23.50		BBHP terms, DD/SS 03/2027
Sea Pegasus	2014	China	81,728	17.50	Undisclosed	DD 05/2027, SS 05/2029
Sea Gemini	2014	China	81,728	17.50		DD 01/2027, SS 01/2029
Lucky Harmony	2003	Japan	76,629	6.40	Undisclosed	DD 02/2026, SS 01/2028
IVS Okudogo	2019	Japan	61,331	53.00	Greek	DD 07/2027, SS 08/2029
IVS Prestwick	2019	Japan	61,305			DD 09/2027, SS 09/2029
Juniper	2011	STX Dalian, China	57,185	12.50	Undisclosed	DD/SS 02/2026, Greek owners
Jin Gang	2009	China	56,928	10.80	Singaporean, Huwell Shipping	DD 06/2027, SS 04/2029, HK-based owners
APJ Jai	2011	China	56,594	11.25	Chinese	M/E MAN-B&W (made in Korea), DD/SS 12/2025, Indian owners
Mindanao	2010	Japan	55,696	15.50	Undisclosed	DD 03/2028, SS 01/2030
Guo Dian 36	2002	China	51,215	Undisclosed	Undisclosed	Auction sale in China, Chinese owners
Hope	2010	China	34,146	7.90	Middle Eastern	M/E MAN-B&W (made by STX, Korea), DD/SS 09/2025, Greek owners
African Swan	2005	Japan	32,776	6.65	Chinese	DD/SS due 08/2025
Thor Friend	2008	Japan	11,879	6.10	Korean	Tweendecker, CR 2X30T (combinable) + DR 1X30T, DD/SS 11/2026, Japanese owners
TANKERS						
Atlantic Loyalty	2007	China	307,284	44.00	Undisclosed	DD 10/2025, SS 04/2027
City of Tokyo	2004	Japan	303,994	41.50	Undisclosed	DD 05/2027, SS 03/2029
Hesperia Tide	2025	China	115,000	70.00	New Shipping	Scrubber fitted, Singaporean owners

Harris	2009	Korea	40,960	17.20	Nigerian	Chemical IMO III, epoxy coated, DD 06/2027, SS 03/2029
Puerto Aysen	2010	Korea	12,834	10.20	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS due 12/2025
Hokori	2011	Japan	8,911	11.00	Undisclosed	Chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS passed 05/2025
CONTAINERS						
Hakata Seoul	2010	Japan	90,488	75.00	MSC	8540 teu, scrubber fitted, DD/SS passed 06/2025, next DD 04/2028, SS 08/2030
Zim Yangtze	2024	Korea	65,994	Undisclosed	TMS	Incl balance of YC to Zim until 2031, DD 02/2027, SS 02/2029
Spring C	2007	Korea	42,806	28.00	CMA CGM	DD/SS 01/2027
A. Obelix	2008	Germany	23,831	25.25	Heidmar Maritime	Incl existing charter for abt 30 months, 1703 teu, ice class II, DD 10/2026, SS 09/2028
Vega Alpha	2005	Netherlands	10,746	8.00	Undisclosed	917 teu, ice class 1A, M/E MaK, DD/SS due 11/2025

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		07/2025	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	76.00	0%	0%	1%	-1%	60.50
180k dwt	5 tuổi	63.00	0%	0%	2%	-1%	44.75
170k dwt	10 tuổi	45.00	2%	2%	7%	3%	31.50
150k dwt	15 tuổi	26.00	0%	-5%	2%	-7%	20.00
PANAMAX							
82k dwt	Resale	38.00	-1%	-1%	-5%	-12%	36.75
82k dwt	5 tuổi	30.50	-3%	-6%	-10%	-20%	30.25
76k dwt	10 tuổi	23.50	-3%	-6%	-4%	-19%	21.25
74k dwt	15 tuổi	15.00	-2%	-5%	-2%	-21%	14.00
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	38.00	0%	0%	-3%	-8%	34.75
58k dwt	5 tuổi	30.50	0%	-3%	-6%	-16%	26.00
56k dwt	10 tuổi	22.50	-2%	-4%	-3%	-20%	19.00
52k dwt	15 tuổi	14.50	-3%	-5%	-2%	-12%	13.00
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	32.50	-2%	-2%	-5%	-6%	29.00
37k dwt	5 tuổi	25.50	2%	0%	-3%	-9%	22.75
32k dwt	10 tuổi	19.00	4%	7%	0%	-7%	15.25
28k dwt	15 tuổi	11.80	-2%	-2%	-2%	-9%	9.75

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		07/ 2025	1M	3M	6M	12M	
VLCC							
310k dwt	Resale	147.00	1%	2%	-1%	2%	114.00
310k dwt	5 tuổi	117.00	2%	4%	3%	2%	86.75
250k dwt	10 tuổi	87.00	2%	5%	2%	3%	62.00
250k dwt	15 tuổi	58.00	0%	9%	7%	1%	44.25
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	94.00	0%	0%	-3%	-5%	78.50
150k dwt	5 tuổi	77.00	0%	0%	0%	-7%	60.75
150k dwt	10 tuổi	62.00	0%	0%	3%	-8%	45.25
150k dwt	15 tuổi	41.00	0%	0%	-9%	-13%	29.25
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	75.00	0%	0%	-9%	-12%	65.25
110k dwt	5 tuổi	62.50	0%	0%	-7%	-13%	51.50
105k dwt	10 tuổi	50.00	0%	0%	-4%	-16%	38.25
105k dwt	15 tuổi	34.00	0%	0%	-8%	-17%	25.25
MR							
52k dwt	Resale	50.00	0%	0%	-4%	-8%	44.50
52k dwt	5 tuổi	40.00	0%	-2%	-5%	-15%	35.50
45k dwt	10 tuổi	30.00	0%	-3%	-6%	-22%	25.75
45k dwt	15 tuổi	18.50	0%	-12%	-14%	-34%	17.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Container	13,000 teu	153.00	4+2	Hyundai H.I. and Hyundai Samho	Sinokor	FH 2028	Price per unit, against employment to HMM
Container	8,000 teu	110.00	4	HJ Shipbuilding	Navios	2027	Price per unit
Container	3,100 teu	42.00	2+2	New Dayang	Chartworld	2028	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	-4.67%	-5.92%	-6.54%
Panamax (77.000 dwt)	37.0	0.00%	1.37%	-1.33%	-1.33%
Supramax (61.000 dwt)	34.0	0.00%	0.00%	-2.16%	0.00%
Handysize (37.000 dwt)	30.0	0.00%	0.00%	-1.64%	-1.64%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	07/2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.79%	-2.29%	-2.66%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	-0.58%	1.78%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	-0.67%	-3.27%	-1.99%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	-4.59%	-2.80%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

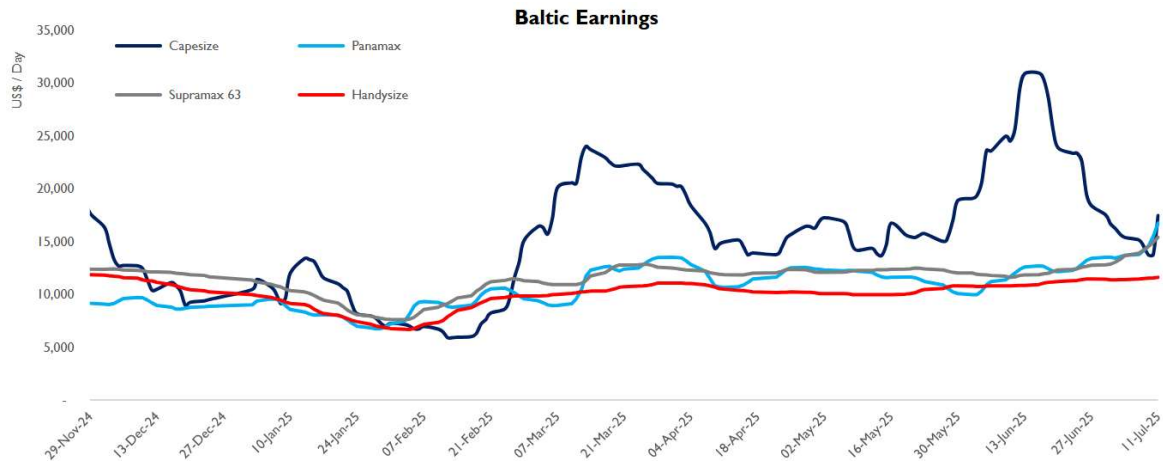
Chỉ số cước trung bình phân khúc **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 15.408 đô la Mỹ, tăng 1.740 đô la Mỹ so với mức 13.668 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường tuần này tiếp tục đà đi lên, với mức tăng ổn định trên tất cả các lưu vực chính. Đáng chú ý, khu vực Đại Tây Dương dẫn đầu với nguồn cung tàu khan hiếm đẩy giá lên cao. Trong khi các tuyến Bắc Á tiếp tục cho thấy mức giá cải thiện do nhu cầu tăng mạnh, Đông Nam Á chứng kiến sự cải thiện đáng kể nhờ sự gia tăng đột ngột xuất khẩu quặng niken từ Philippines sang Trung Quốc. Tuần qua được đặc trưng bởi tâm lý thị trường mạnh mẽ mặc dù số lượng hợp đồng thuê tàu công khai hạn chế, cho thấy hoạt động giao dịch ngoài thị trường đáng kể.

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 11.604 đô la Mỹ, tăng 214 đô la Mỹ so với mức 11.390 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường Thái Bình Dương tuần này có vẻ cân bằng hơn. Điều kiện thị trường ổn định với tỷ lệ hàng hóa vaf số lượng tàu, giữ cho cước phí không thay đổi nhiều. Thị trường Đại Tây Dương duy trì ổn định và nhìn chung cân bằng trong tuần, với một số khu vực có đà tăng. Các khu vực lục địa châu Âu và Địa Trung Hải chứng kiến mức tăng nhẹ, một tàu khoảng 32.000 dwt được chốt đi từ Canakkale đi Tây Địa Trung Hải chở hàng rời với giá khoảng 11.500 đô la Mỹ. Tại Nam Đại Tây Dương, thị trường ổn định, đặc biệt đối với các tàu lớn hơn, với một tàu khoảng 40.000 dwt được chốt từ Rio Grande đến Continent với giá khoảng 23.000 đô la Mỹ. Ngược lại, Vịnh Châu Mỹ tiếp tục cho thấy dấu hiệu suy yếu, một tàu khoảng 39.000 dwt neo ở Bờ Đông Mexico được thuê qua SW Pass đến New Zealand với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ.

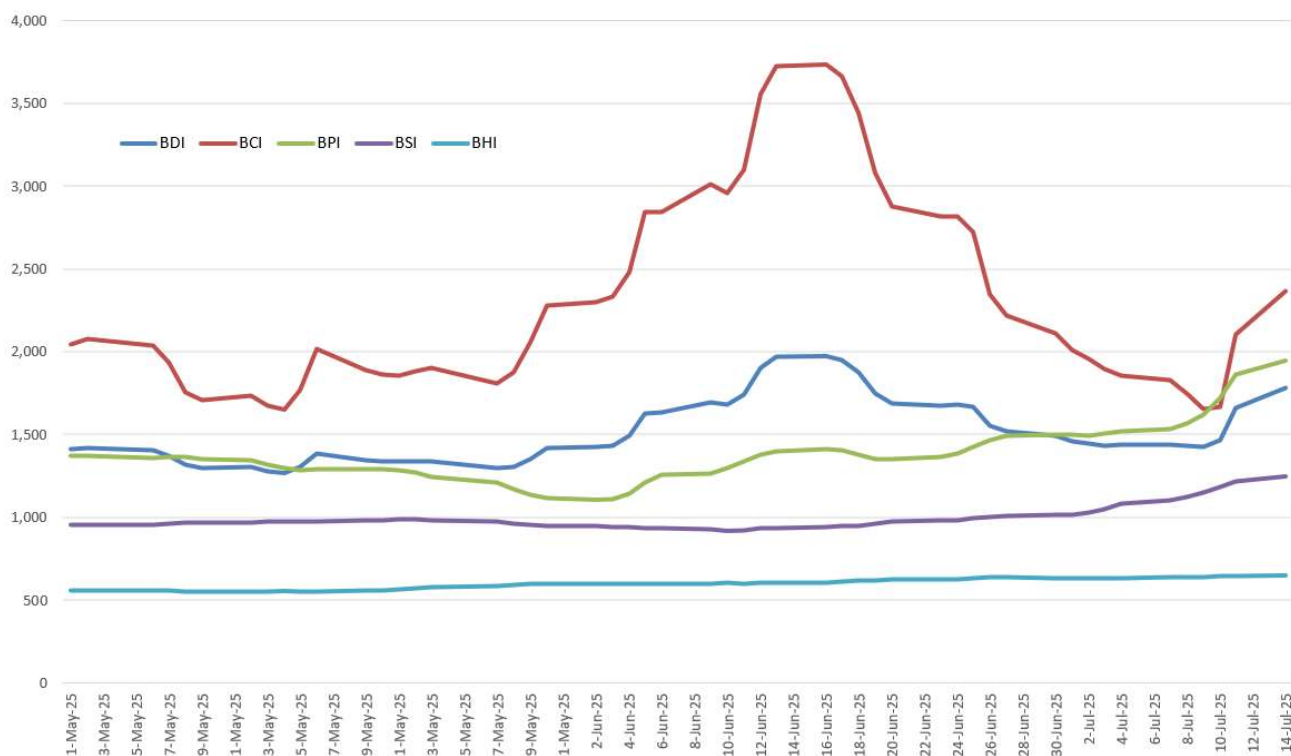
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 14/07/2025

	US\$/ngày		
SUPRAMAX	13.374	▲	1.740
HANDIES 38K	11.604	▲	214

(so sánh với giá trị ngày 07/07/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 66,94 đô la Mỹ/thùng - giảm 0,06% so với phiên giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 69,21 đô la Mỹ/thùng - giảm 1,63%. Giá dầu thế giới giảm sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố sẽ áp mức thuế quan mới lên các nước làm ăn với Nga nếu trong vòng 50 ngày tới Moscow không đạt được thỏa thuận ngừng bắn với Ukraine. Điều này có thể gây gián đoạn lớn cho nguồn cung dầu của Ấn Độ và khiến chi phí nhập khẩu dầu tăng mạnh, chi phí nhập khẩu của Ấn Độ có thể tăng thêm từ 3-6 đô la Mỹ cho mỗi thùng dầu thay thế, tùy thuộc vào nguồn cung. Bên cạnh đó, Indonesia sẽ mua hàng tỷ đô la Mỹ dầu mỏ và các sản phẩm dầu mỏ của Mỹ nếu thuế quan của Mỹ đối với hàng hóa Indonesia được giảm, Indonesia được cho là có thể hủy bỏ kế hoạch nhập khẩu hàng hóa năng lượng từ Mỹ nếu Chính quyền Tổng thống Trump từ chối giảm thuế quan đối với hàng hóa Indonesia.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông tiếp tục ghi nhận sự ảm đạm do số lượng tàu có sẵn dư thừa, cùng với đó là nhu cầu hàng hóa ở mức thấp trong bối cảnh thị trường mùa hè. Mặc dù ghi nhận cước đã giảm về ngưỡng trước khi xảy ra căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông, tâm lý của người thuê vẫn chờ đợi mức cước thấp hơn, điều này làm kéo dài tính trầm lắng của thị trường. Đơn cử, cước cho tuyến Trung Đông/Trung Quốc kết thúc tuần ở mức WS 49, trong khi cước cho tuyến Tây Phi/Trung Quốc được ký kết ở mức WS 53.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	25.979	29.057	↑
	USG/Trung Quốc	33.469	35.077	↑
Phân khúc tàu Suezmax	Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax tại khu vực Tây Phi hiện ghi nhận sự trầm lắng trong cả tuần do nhu cầu khu vực hạn chế so với số lượng tàu có sẵn. Cụ thể, cước trên tuyến Nigeria/UKC được ký kết ở mức WS 80. Sau khi các rủi ro về địa chính trị tại Trung Đông được giải quyết, nhiều tàu đã di chuyển về Tây Phi, khiến cước tuyến Trung Đông/Địa Trung Hải giảm xuống mức WS 85			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Tây Phi / Cont	30.096	30.009	↓
	Guyana / UKC	30.058	27.741	↓
Phân khúc tàu Aframax	Theo đánh giá, các giao dịch của phân khúc tàu Aframax tại khu vực Trung Đông vẫn diễn ra ổn định, cùng với đó nhiều tàu đã được ký kết cho các tuyến ngắn hạn nhưng tâm lý thị trường không mấy lạc quan. Nguyên nhân chủ yếu do số lượng tàu có sẵn quá cao, các lô hàng trên thị trường vẫn không đủ để đẩy cước lên mức tốt hơn. Tại Địa Trung Hải, cước trên tuyến Ceyhan/Lavera giảm đi 1 điểm – chốt ở mức WS 127.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	31.191	29.217	↓
	Med / Med	25.855	25.761	↓
	USG / Cont	33.013	31.140	↓
	EC Mex / USG	27.001	27.212	↑

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

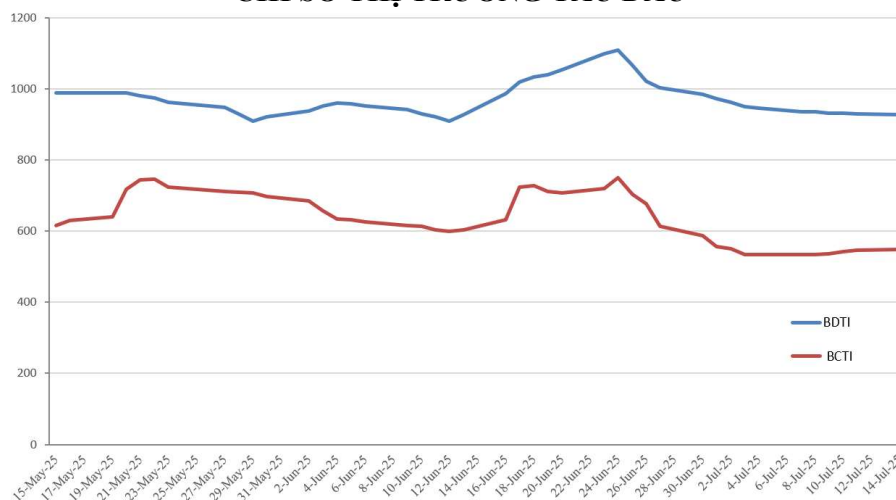
Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Các giao dịch của tàu MR trên tuyến Trung Đông/Nhật Bản có dấu hiệu tích cực khi cước đã tăng lên mức WS 145 theo các giao dịch gần nhất và có khả năng tiếp tục tăng nếu các đơn hàng trên thị trường tiếp tục duy trì, nguyên nhân do được hỗ trợ bởi lượng tàu có sẵn hiện đã giảm rõ rệt. Theo báo cáo, tuyến từ vùng Vịnh đi về phía Tây, số lượng giao dịch vẫn hạn chế và đang đánh giá thị trường để đưa ra mức cước chính xác. Mặc dù xuất hiện vài hoạt động hàng hóa cho các tuyến ngắn, nhưng nhìn chung tổng khối lượng giao dịch vẫn giảm so với các tuần cao điểm. Nhìn chung, xu hướng thị trường đang dần ổn định hơn, các mức cước mới đang được điều chỉnh lại. Theo ghi nhận, khu vực Tây Bắc Âu, thị trường có phần sôi động vào giữa tuần với số lượng tàu trong khu vực thu hẹp dần đã giúp đẩy cước tuyến Cont/USAC lên mức WS 95. Trong khi đó, sự chênh lệch cước cho tuyến Tây Phi giữ ổn định ở mức + 20 điểm, phản ánh tâm lý thị trường vẫn vững vàng. Tại Địa Trung Hải, thị trường cũng theo xu hướng tích cực khi số lượng tàu có sẵn giảm và đẩy cước cho tuyến Med/UKC lên WS 110 – tăng 10 điểm so với tuần trước đó.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Các giao dịch tại thị trường Châu Á ghi nhận nhiều diễn biến trái chiều trong tuần. Đơn cử, các giao dịch đi khu vực phía Bắc, xu hướng thị trường diễn ra khá ảm đạm, một phần do nhu cầu tiêu thụ chững lại, sau khi các bồn chứa tại cảng gặp giới hạn về sức chứa. Tuy nhiên, dù nhu cầu thấp, số lượng tàu có sẵn trong khu vực đã giảm góp phần giúp cước tăng nhẹ so với tuần trước. Theo báo cáo, các giao dịch chở axit sulphuric vào nửa đầu tháng 8 cho các tuyến đi Ấn Độ đang dần xuất hiện trên thị trường. Ghi nhận một chuyến đã chốt với mức cước tương đương kỳ trước, 44 đô la Mỹ/tấn, nhưng các chuyến tiếp theo có thể sẽ cao hơn do sự thiếu hụt tàu phù hợp. Bên cạnh đó, đối với thị trường dầu cò, người thuê có sự cạnh tranh gay gắt để cố gắng ký kết trong vòng tháng 7, do các vấn đề lo ngại về thuế xuất khẩu từ tháng 7 sang tháng 8. Điều này khiến cước vận chuyển dầu cò tăng cao. Dù vậy, tâm lý thị trường dự kiến sẽ dịu lại đối với các chuyến hàng vào tháng 8, khi người thuê có xu hướng chờ đợi thị trường và sẽ không quá vội vàng trong việc ký kết hợp đồng.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 28/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 27/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	50,000	48,000	47,500	51,000	48,000	47,000
SUEZMAX	34,000	33,000	32,000	35,000	33,000	32,000
AFRAMAX	29,500	29,500	28,500	30,000	30,000	29,000
LR-2	29,500	29,500	29,000	30,000	30,000	29,000
LR-1	24,500	23,000	22,500	24,500	23,000	22,500
MR	20,000	19,000	19,000	20,500	19,000	19,000
HANDY	17,500	17,000	17,000	17,500	17,000	17,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	420		440		450	
2	Bangladesh	400		420		430	
3	India	410		430		440	
4	Turkey	250		260		270	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 28/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Hyundai Cosmopia	LNG	2000	34,040	-	580.00	77,951	As is Indonesia, high alum content, LDT incl bunkers ROB
Harbour Well	Bulker	1998	10,161	Bangladesh	-	72,497	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.

Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.